TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32/2025/DS-ST
Ngày: 24-7-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Tình Thanh Phước;

2. Ông Phú Minh Thông.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trân, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1- Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1- Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 3102/2024/TLST-DS ngày 11/10/2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2025/QĐXXST-DS ngày 11/6/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 103/2025/QĐST-DS ngày 30/6/2025 giữa:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần T2.

Địa chỉ: Tòa nhà T, số E Phố L, Phường T, quận H, thành phố Hà Nội (nay là phường C, Tp .).

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn:

1. Ông Lê Nhất T, sinh năm 1995; (Vắng mặt)

2. Ông Thạch Trung H, sinh năm 1996; (Có mặt)

Địa chỉ liên hệ: Lầu 4, C Hậu Giang, Phường B, Quận F, Tp. (nay là phường B, Tp.)

(Theo Giấy ủy quyền số 269/2024/GUQ-TPB.DR ngày 13/3/2024)

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Hồng G, sinh năm 1985.

Địa chỉ: T N, Phường C, Quận A, Tp . (Nay là phường C, Tp .) (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện ngày 29/3/2024 và đơn khởi kiện bổ sung ngày , tại các bản khai, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, ông Thạch Trung H là Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP T2 trình bày:

1. Ngày 03/11/2022, Ngân hàng TMCP T2 (Sau đây gọi tắt là T3) ký Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số: 133/2022/HDTD/TTKD OTO Q4 với Ông Nguyễn Hồng G. Theo đó, T3 cho ông G vay tiền, cụ thể như sau:

Số tiền cho vay là: 756.000.000 đồng (bằng chữ: Bảy trăm năm mươi sáu triệu đồng); Mục đích: Vay mua xe ô tô; Thời hạn: 84 tháng; Lãi suất: Được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần và bằng lãi suất cơ sở Khách hàng cá nhân kỳ hạn 03 tháng của T3 tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4.1%/năm; Lãi quá hạn: Được tính trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả và bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. (Theo văn bản "Điều kiện Điều khoản chung về cho vay" số 027/2022/HD-TPB.RB ngày 15/08/2022).

Phạt chậm trả: Được tính trên số dư lãi vay chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả và lãi suất bằng 10%/năm (Theo văn bản "Điều kiện Điều khoản chung về cho vay" số 027/2022/HD-TPB.RB ngày 15/08/2022).

Số tiền lãi trong hạn được tính từ ngày giải ngân là 25/11/2022 cho đến ngày kết thúc hợp đồng tín dụng là 25/11/2029 và số tiền lãi quá hạn, phạt chậm trả được tính từ ngày khách hàng vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 25/5/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Tính đến ngày 24/7/2025, ông G thanh toán tiền nợ gốc là 45.000.000 đồng và nợ lãi là 46.220.992 đồng và dư nợ khoản vay tạm tính đến ngày 24/7/2025 là 954.150.394 đồng, trong đó: Nợ gốc là 711.000.000 đồng; Lãi trong hạn là 173.465.421 đồng; Lãi quá hạn là 48.810.230 đồng; Phạt chậm trả là 20.874.744 đồng.

2. Ngày 06/12/2022, T3 ký Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng T3 kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ với ông Nguyễn Hồng G. Loại thẻ: Thẻ tín dụng T3 vàng; Hạn mức: 75.000.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng, khách hàng đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ kỳ sao kê tháng 02/2023. Từ kỳ sao kê tháng 6/2024, T3 đã tạm dừng tính lãi đối với Thẻ tín dụng. Tính đến ngày 24/7/2025, ông G còn nợ số tiền thẻ tín dụng là 208.024.885 đồng, trong đó nợ gốc: 74.279.429 đồng; Nợ lãi: 76.409.319 đồng; Nợ phí là 57.336.137 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay tại Hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số: 133/2022/HDTD/TTKD OTO Q4 ngày 03/12/2022. Ông G đã thế chấp chiếc xe ô tô hiệu HYUNDAI SOLATI D màu xe: ĐEN, số khung: RLUUP37RPNB001016, Số máy: N400861D4CB, biển kiểm soát: 51B-511.09; Theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50 174501 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố H cấp ngày 25/10/2022 đứng tên Nguyễn Hồng G.

Do ông G vi phạm trả nợ theo kỳ thanh toán nên T3 yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn Hồng G thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T2 tổng số tiền của khoản vay theo đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số: 133/2022/HDTD/TTKD OTO Q4, tính đến ngày 24/7/2025 là: 954.150.394 đồng (Bằng chữ: Chín trăm năm mươi bốn triệu, một trăm năm mươi nghìn, ba trăm chín mươi bốn đồng), trong đó: Nợ gốc là 711.000.000 đồng; lãi trong hạn là 173.465.421

đồng, lãi quá hạn là 48.810.230 đồng; Phạt chậm trả là 20.874.744 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số: 133/2022/HDTD/TTKD OTO Q4 ngày 03/11/2022.

- Buộc ông Nguyễn Hồng G thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T2 tổng số tiền của khoản thẻ tín dụng theo Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng T3 kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tính đến ngày 24/7/2025 là 208.024.885 đồng (Bằng chữ: Hai trăm lẻ tám triệu, không trăm hai mươi bốn nghìn, tám trăm tám mươi lăm đồng), trong đó N gốc là 74.279.429 đồng; Nợ lãi là 76.409.319 đồng; Nợ phí là 57.336.137 đồng.

Ngân hàng tự nguyện không yêu cầu bị đơn tiếp tục trả lãi đối với Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Hồng G không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần T2 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là: Chiếc xe ô tô hiệu HYUNDAI SOLATI D màu xe: ĐEN, số khung: RLUUP37RPNB001016, Số máy: N400861D4CB Biển kiểm soát: 51B-511.09. Theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50 174501 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố H cấp ngày 25/10/2022 đứng tên ông Nguyễn Hồng G để thu hồi nợ theo Hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số: 133/2022/HDTD/TTKD OTO Q4 ngày 03/11/2022.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm là: Chiếc xe ô tô hiệu HYUNDAI SOLATI D màu xe: ĐEN, số khung: RLUUP37RPNB001016, Số máy: N400861D4CB Biển kiểm soát: 51B-511.09 để thu hồi nợ cho khoản vay của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 06/12/2022 do khoản vay này không được đảm bảo bởi tài sản trên.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Nguyễn Hồng G vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng.

Hiện nay T3 đang giữ của ông Nguyễn Hồng G bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 50 174501 ngày 25/10/2022 đứng tên ông Nguyễn Hồng G. Nguyên đơn đồng ý trả lại cho bị đơn khi bị đơn thanh toán đầy đủ các khoản nợ của Hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số: 133/2022/HDTD/TTKD OTO Q4 ngày 03/11/2022.

Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng Bị đơn vắng mặt không có lý do, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và không trình bày ý kiến đối với các tài liệu, chứng cứ Tòa án công bố.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Tp . phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp,

tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do mặc dù đã được tống đạt hợp lệ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 không có kiến nghị về tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét, Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc và lãi là tranh chấp phát sinh trong hoạt động cấp tín dụng của nguyên đơn. Thời điểm ký Hợp đồng tín dụng, bị đơn khai có hộ khẩu thường trú tại T N, phường C, Quận A (N là phường C), Tp . ngoài ra không cung cấp thêm địa chỉ thường trú, tạm trú, cư trú nào khác.

Theo kết quả xác minh của Công an thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là Công an xã P, tỉnh Vĩnh Long) thì ông Nguyễn Hồng G được cấp hộ khẩu về TK21/43 N, phường C (Địa chỉ cũ: Phường C, Quận A), Tp, Hồ Chí M. Qua tra cứu dữ liệu quốc gia về dân cư thì ông Nguyễn Hồng G đăng ký tạm trú về số: 07, đường số B, phường T (Địa chỉ cũ: Phường T, Tp .), Tp ..

Theo kết quả xác minh của Công an phường phường C, Quận A, (Nay là phường C), Tp ., Tp ., Bị đơn không có hộ khẩu thường trú, tạm trú tại địa chỉ: T N, phường C (Địa chỉ cũ: Phường C, Quận A), T1, Hồ Chí M nhưng không thực tế cư trú tại địa phương, hiện ở đâu không rõ.

Theo kết quả xác minh của Công an Phường T, Tp . thì không có đương sự tên Nguyễn Hồng G cư trú tại địa chỉ G, đường số B, phường T (Địa chỉ cũ: Phường T, Tp .), Tp ..

Căn cứ vào căn cước công dân của ông Nguyễn Hồng G, số 083085000307 thì ông Nguyễn Hồng G có Hộ khẩu thường trú tại TK21/43 N, phường C (Địa chỉ cũ: Phường C, Quận A), Tp, Hồ Chí M.

Tại Hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số: 133/2022/HDTD/TTKD OTO Q4 và Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng T3 kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ thì địa chỉ thường trú của ông Nguyễn Hồng G tại T N, phường C (Địa chỉ cũ: Phường C, Quận A), Tp, Hồ Chí M. Do đó đây là nơi cư trú cuối cùng của Bị đơn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1, Tp . theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Tòa án triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa xét xử vụ án hợp lệ lần thứ hai, bị đơn vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông G.

[1.3] Về việc ủy quyền tham gia tố tụng:

Xét Giấy ủy quyền số: 269/2024/GUQ-TPB.DR ngày 13/3/2024 của T3 ủy quyền cho ông Thạch Trung H tham gia tố tụng giải quyết vụ án là hợp lệ nên ông H có đủ tư cách đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

[2.1] Xét yêu cầu bị đơn trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số: 133/2022/HDTD/TTKD OTO Q4 ngày 03/11/2022:

- Về yêu cầu trả nợ gốc số tiền 711.000.000 đồng:

Xét Hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số: 133/2022/HDTD/TTKD OTO Q4 ngày 03/11/2022 thì các bên thỏa thuận: Ông G có nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc 756.000.000 đồng chia đều cho 84 tháng, kỳ trả nợ đầu tiên là 25/12/2022.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo thỏa thuận thì từ ngày 25/12/2022 đến ngày ngày 24/7/2022 (ngày xét xử vụ án), bị đơn phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc cho 31 kỳ trả nợ. Tuy nhiên, đến ngày xét xử ông G chỉ thanh toán cho T3 05 kỳ với số tiền gốc là 45.000.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán được thỏa thuận tại hợp đồng nêu trên. Như vậy, mặc dù chưa hết thời hạn thực hiện hợp đồng nhưng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên T3 khởi kiện, thu hồi nợ trước hạn đối với bị đơn và yêu cầu trả nợ gốc theo hai hợp đồng tín dụng nêu trên là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về *yêu cầu trả nợ lãi số tiền 243.150.395 đồng:*

Theo Hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số: 133/2022/HDTD/TTKD OTO Q4 ngày 03/11/2022, thì các bên thỏa thuận: Lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần và bằng lãi suất cơ sở Khách hàng cá nhân kỳ hạn 03 tháng của T3 tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4.1%/năm; Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Phạt chậm trả được tính trên số dư lãi vay chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả và lãi suất bằng 10%/năm. Bị đơn có nghĩa vụ trả lãi theo dư nợ thực tế vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên là 25/12/2022. Việc thỏa thuận của các đương sự về lãi suất là phù hợp với quy định của khoản Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Ngày 25/5/2023, ông G ngưng không trả tiền gốc và lãi cho ngân hàng cho đến nay. Tính đến ngày 24/7/2025 bị đơn chỉ thanh toán được số tiền nợ lãi là 46.220.992 đồng là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại hợp đồng mà hai bên đã ký. Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi tạm tính đến ngày 24/7/2025 với số tiền là: 243.150.395 đồng, trong đó lãi trong hạn là 173.465.421 đồng, lãi quá hạn là 48.810.230 đồng, tiền lãi chậm thanh toán là 20.874.744 đồng là phù hợp với quy định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ Điều 13, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/11/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận của Hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số: 133/2022/HDTD/TTKD OTO Q4 ngày 03/11/2022.

[2.2] Xét yêu cầu bị đơn trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 06/12/2022:

Tại Điều 6 bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quy định: *Chủ thẻ có trách nhiệm trả đúng hạn cho Ngân hàng tất cả các khoản nợ phát sinh trên sao kê.*

Theo thỏa thuận, ngày 11 hàng tháng Ngân hàng sẽ sao kê và Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho kỳ sao kê vào ngày 25 hàng tháng.

Ngày 06/12/2022, ông G được cấp thẻ tín dụng và đã sử dụng số tiền 74.279.429 đồng. Tuy nhiên, từ kỳ sao kê đầu tiên vào tháng 2/2023 ông G đã không thanh toán cho Ngân hàng số tiền đã sử dụng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã ngưng quyền sử dụng thẻ của ông G và ngưng tính lãi từ tháng 6/2024 đến nay. Tính đến ngày 24/7/2025, ông G còn nợ Ngân hàng số tiền là 208.024.885 đồng. Trong đó, nợ gốc: 74.279.429 đồng và nợ lãi: 76.409.319 đồng, nợ phí 57.336.137 đồng. Như vậy, việc ông G không thanh toán số tiền còn lại đã vi phạm thỏa thuận tại hợp đồng mà các bên đã ký kết.

Tại Điều 3 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quy định: *Lãi suất trong hạn sẽ do Ngân hàng ban hành và thay đổi trong từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn là mức lãi suất tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn.* Thỏa thuận này là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"*.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền 208.024.885 đồng. Trong đó, nợ gốc: 74.279.429 đồng và nợ lãi: 76.409.319 đồng, nợ phí 57.336.137 đồng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ Điều 13, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/11/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 06/12/2022.

[2.3]Về yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô Nhãn hiệu: HYUNDAI, số loại: SOLATI D:

Xét, tại Công văn số: 11393/PC08-ĐKX của Phòng C ngày 17/12/2024 trả lời xác minh như sau: Xe ô tô mang biển kiểm soát 51B-511.09; Nhãn hiệu: HYUNDAI, số loại: SOLATI D; Loại xe: Ô tô khách; Màu sơn: Đen; Số máy: N400861D4CB; Số khung: RLUUP37RPNB001016; ngày 25/10/2022 đăng ký chủ sở hữu: Nguyễn Hồng G: Địa chỉ: T N, phường C, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Từ ngày 25/10/2022 đến nay xe ô tô trên không thay đổi chủ sở hữu. Xe ô tô trên thế chấp theo số thông báo 9209528068/TB-TT1 ngày 24/11/2022 của Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hà Nội. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định xe ô tô trên thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Hồng G. Ông G thế chấp tài sản trên cho T3 để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thi hành án đối với T3 là không trái quy định của pháp luật.

Xét việc thế chấp đã được đăng ký biện pháp bảo đảm và được Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Tp . chứng nhận ngày 24/11/2022 là đúng quy định của pháp luật nên hợp đồng thế chấp đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Hội đồng xét xử căn cứ nội dung thỏa thuận của các bên tại hợp đồng thế chấp và khoản 7 Điều 323 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp

của nguyên đơn, cụ thể: Trong trường hợp ông Nguyễn Hồng G không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi phát sinh đối với Hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số: 133/2022/HDTD/TTKD OTO Q4 ngày 03/11/2022 theo quyết định của Tòa án, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần T2 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp đối với Xe ô tô mang biển kiểm soát 51B-511.09; Nhãn hiệu: HYUNDAI, số loại: SOLATI D; Loại xe: Ô tô khách; Màu sơn: Đen; Số máy: N400861D4CB; Số khung: RLUUP37RPNB001016; ngày 25/10/2022 đăng ký chủ sở hữu: Nguyễn Hồng G để thu hồi nợ.

Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Hồng G bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 50 174501 ngày 25/10/2022 đứng tên ông Nguyễn Hồng G ngay khi ông G trả xong các khoản nợ đối với Hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số: 133/2022/HDTD/TTKD OTO Q4 ngày 03/11/2022.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán cho Nguyên đơn; hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 157; điểm d khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 7 Điều 323 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Thông báo số 15/TB-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc đính chính Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T2

1.1. Buộc ông Nguyễn Hồng G có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T2 tổng số tiền nợ của Hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số: 133/2022/HDTD/TTKD OTO Q4 ngày 03/11/2022 số tiền tạm tính đến ngày 24/7/2025 là 954.150.394 đồng (Chín trăm năm mươi bốn triệu, một trăm năm mươi nghìn, ba trăm chín mươi tư đồng). Trong đó nợ gốc 711.000.000 đồng, lãi trong hạn 173.465.421 đồng, lãi quá hạn là 48.810.230 đồng, lãi chậm trả là 20.874.744 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số: 133/2022/HDTD/TTKD OTO Q4 ngày 03/11/2022

1.2. Buộc ông Nguyễn Hồng G phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T2 tổng số tiền nợ của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 06/12/2022 số tiền tạm tính đến ngày 24/7/2025 là 208.024.885 (Hai trăm lẻ tám nghìn, không trăm hai bốn nghìn, tám trăm tám mươi lăm) đồng. Trong đó, nợ gốc: 74.279.429 đồng và nợ lãi: 76.409.319 đồng, nợ phí 57.336.137 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T2 không yêu cầu ông Nguyễn Hồng G tiếp tục trả tiền lãi đối với Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Trong trường hợp ông Nguyễn Hồng G không thực hiện hoặc thực hiện không đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi phát sinh đối với Hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số: 133/2022/HDTD/TTKD OTO Q4 ngày 03/11/2022 theo quyết định của Tòa án, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần T2 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp đối với Xe ô tô mang biển kiểm soát 51B-511.09; Nhãn hiệu: HYUNDAI, số loại: SOLATI D; Loại xe: Ô tô khách; Màu sơn: Đen; Số máy: N400861D4CB; Số khung: RLUUP37RPNB001016; ngày 25/10/2022 đăng ký chủ sở hữu: Nguyễn Hồng G để thu hồi nợ.

Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Hồng G bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 50 174501 ngày 25/10/2022 đứng tên ông Nguyễn Hồng G ngay khi ông G trả xong các khoản nợ đối với Hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số: 133/2022/HDTD/TTKD OTO Q4 ngày 03/11/2022.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 46.865.258 đồng (*Bốn mươi sáu triệu, tám trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm năm mươi tám đồng*), ông Nguyễn Hồng G chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 18.773.422 đồng *(Mười tám triệu, bảy trăm bảy mươi ba nghìn, bốn trăm hai mươi hai đồng)* theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0046043 ngày 11/10/2024 và 5.200.622 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0046042 ngày 11/10/2024; biên lai Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày. Đương sự có mặt kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa